TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13- GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 08/2026/HNGĐ-ST
Ngày 11/02/2026
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13- GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Đình Nguyên;
2. Ông Nguyễn Văn Thám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13-Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13-Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hồng Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13- Gia Lai - Cơ sở B - F N, phường A, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 160/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2026/QĐXX-ST ngày 26/01/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Thành Đ, sinh ngày 12/9/1989; số định danh cá nhân 064089011529; nơi thường trú: 375 Q, Tổ C N, phường A, tỉnh Gia Lai; có mặt;

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Đ1, sinh ngày 12/8/1989; số định danh cá nhân: 064189006565; nơi đăng ký thường trú: 375 Q, Tổ C N, phường A, tỉnh Gia Lai; nơi ở hiện tại: Đang chấp hành án tại Đội 1, P, Trại giam Đ2, xã C, tỉnh Gia Lai; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Thành Đ trình bày: Anh Đ và chị Trần Thị Đ1 tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 20/10/2013 tại Ủy ban nhân dân phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Trong thời gian chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Năm 2023 chị Đ1 vi phạm pháp luật bị xét xử 18 năm tù, hiện nay tình cảm vợ chồng cũng không còn nữa, do vậy anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Đ1.

Về con chung: Anh Đ và chị Đ1 có một con chung là Trần Kha P, sinh ngày

14/5/2015, anh Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị Đ1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lời khai có tại hồ sơ của bị đơn chị Trần Thị Đ1 thể hiện: Chị và anh Đ tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn năm 2013. Năm 2023 chị Đ1 bị kết án phạt tù, vì thời hạn chấp hành án dài nên khả năng duy trì hôn nhân không thể kéo dài thêm, tình cảm vợ chồng cũng không còn nữa, do vậy chị Đ1 đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Đ.

Về con chung: Chị Đ1 và anh Đ có một con chung là Trần Kha P, sinh ngày 14/5/2015, chị Đ1 đồng ý giao cho anh Đ trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Đ1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13-Gia Lai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân chấp nhận cho anh Trần Thành Đ ly hôn với chị Trần Thị Đầm . Về việc nuôi con, giao cho anh Đ trực tiếp nuôi con là Trần Kha P, sinh ngày 14/5/2015. Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn anh Trần Thành Đ yêu cầu ly hôn và có tranh chấp về nuôi con với chị Trần Thị Đ1; nơi thường trú: Phường A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2025, thì đây là vụ án về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13- Gia Lai.

[2] Bị đơn chị Trần Thị Đ1 có đơn xin xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn chị Đ1.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Đ1 và anh Trần Thành Đ tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Năm 2023 chị Đ1 vi phạm pháp luật bị xử phạt tù, thời gian chấp hành án dài dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nữa, do vậy anh Đ yêu cầu ly hôn.

Lời khai có tại hồ sơ thể hiện chị Đ1 cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Đ. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh Đ, cho anh Đ ly hôn với chị Đ1.

[4] Về việc nuôi con: Chị Đ1 và anh Đ có một con chung là Trần Kha P, sinh ngày 14/5/2015. Chị Đ1 và anh Đ thống nhất giao cho anh Đ trực tiếp nuôi cháu P. Cháu P có nguyện vọng được sống cùng với mẹ; anh Đ có sức khỏe, có công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi con, nên cần chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Đ và chị Đ1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn anh Trần Thành Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Bị đơn chị Trần Thị Đ1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận anh Trần Thành Đ ly hôn với chị Trần Thị Đầm .

2. Về việc nuôi con: Giao cho anh Trần Thành Đ trực tiếp nuôi con là Trần Kha P, sinh ngày 14/5/2015, khi cháu P chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Anh Trần Thành Đ chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)*, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là

300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004735 ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai, anh Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Trần Thị Đ1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 11/02/2026. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 13-Gia Lai;
- Chi cục THADS khu vực 13-Gia Lai;
- UBND phường An Khê, tỉnh Gia Lai (để ghi vào sổ hộ tịch, năm 2013 (Ngô Mây));
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Bích Thảo